



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẬT TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10**

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016	8 - 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	11 - 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	13 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội Địa Số 10 trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2016 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội Địa Số 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Mã số doanh nghiệp 0313159937, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 3 năm 2015.

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có trụ sở chính và các Chi nhánh, Xí nghiệp :

1. Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 187 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 38720567

Fax: 08 38720568

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Bình Đức

Địa chỉ: Số 377, Ấp 5, Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0723 8717766

Mã số Chi nhánh: 0 3 1 3 1 5 9 9 3 7 – 0 0 1

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Phước Đông

Địa chỉ: Số 70, Ấp 7, Xã Phước Đông, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0723 881027

Mã số Chi nhánh: 0 3 1 3 1 5 9 9 3 7 – 0 0 2

4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Đức Huệ

Địa chỉ: Số 1A, Khu phố 1, Tỉnh lộ 822, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0723 854764

Mã số Chi nhánh: 0313159937-003

5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Phú Cường

Địa chỉ: Số 526, Đường Huỳnh Văn Cù, Phường Chánh Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0650 3827861

Mã số Chi nhánh: 0313159937-004

6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Biên Hoà

Địa chỉ: Số 148/1/8, đường Châu Văn Lồng, KP Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0613 831747

Mã số Chi nhánh: 0313159937-005

7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Trị An

Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0613 860084

Mã số Chi nhánh: 0313159937-006

8. Địa điểm kinh doanh – Xí nghiệp Đảm bảo An toàn Giao thông

Địa chỉ: 438/6 Đào Sư Tích, Ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

03131
CÔNG
CỔ P
IẢN LÝ
JNG THỦ
SỐ
>-T.P.H

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

- | | | |
|--------|-------------------|----------------------------|
| 1. Ông | Vũ Trung Tá | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông | Ngô Thanh Liêm | Thành viên |
| 3. Ông | Nguyễn Trường Sơn | Thành viên |
| 4. Ông | Phan Huỳnh Tùng | Thành viên |
| 5. Ông | Đặng Văn Dũng | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|--------|-------------------|-------------------|--|
| 1. Ông | Vũ Trung Tá | Tổng Giám đốc | Là người đại diện theo pháp luật của công ty |
| 2. Ông | Ngô Thanh Liêm | Phó Tổng Giám đốc | |
| 3. Ông | Nguyễn Trường Sơn | Phó Tổng Giám đốc | |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TPHCM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty ABC được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 08 đến trang 34.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2016 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



Tổng Giám đốc – Vũ Trung Tá

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2017.



Số: 04/2017/BCKT/NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10, được lập ngày 08 tháng 01 năm 2017, từ trang 8 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề hạn chế của Kiểm toán viên

- Một số khoản nợ phải thu tồn đọng, chưa được Công ty trích lập dự phòng và xử lý theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính là 1.489.749.401 đồng (Thuyết minh số V.2).
- Trong Bảng Cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản: Người mua trả tiền trước **585.251.013 Đồng** (chi tiết thuyết minh số V.15) và Khoản phải trả khác **539.901.251 Đồng** (chi tiết thuyết minh số V.18) là các khoản phải trả không rõ đối tượng từ những năm trước nhưng chưa được xử lý. Các khoản này có thể có ảnh hưởng khi đánh giá tình hình tài chính hiện hành của doanh nghiệp.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày;

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0486-2014-124-1

Kiểm toán viên – Lê Hồng Long

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0786-2014-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 2 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.940.139.531	18.429.496.079
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		3.553.330.847	3.585.341.659
111	1 Tiền	V.1	3.553.330.847	3.585.341.659
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.812.033.527	14.391.708.400
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	21.442.284.609	13.279.821.871
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.000.000.000	200.000.000
136	3 Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.369.748.918	911.886.529
140	IV. Hàng tồn kho		145.459.703	136.116.735
141	1 Hàng tồn kho	V.5	145.459.703	136.116.735
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		429.315.454	316.329.285
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6	425.206.273	302.171.306
152	2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.109.181	4.109.181
153	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.7	-	10.048.798
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.626.426.902	11.160.871.301
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		299.512.258	109.368.325
216	1 Phải thu dài hạn khác	V.8	299.512.258	109.368.325
220	II. Tài sản cố định		8.929.966.995	8.183.506.918
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.9	7.805.832.544	7.028.820.726
222	- Nguyên giá		26.220.588.540	24.001.591.393
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.414.755.996)	(16.972.770.667)
227	2 Tài sản cố định vô hình	V.10	1.124.134.451	1.154.686.192
228	- Nguyên giá		1.177.600.000	1.177.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(53.465.549)	(22.913.808)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.191.297.889	2.481.988.023
241	1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.11	213.855.518	1.756.993.500
242	2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	1.977.442.371	724.994.523
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		205.649.760	386.008.035
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.13	205.649.760	386.008.035
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		39.566.566.433	29.590.367.380

CÔNG TY CP QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI BỘ SỐ 10

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.218.984.535	13.804.984.165
310	I. Nợ ngắn hạn		21.468.984.535	13.804.984.165
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	9.168.997.417	2.055.971.438
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	638.684.013	1.394.778.513
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	2.317.051.128	1.109.537.265
314	4 Phải trả người lao động	V.17	3.123.761.703	2.515.506.704
319	5 Phải trả ngắn hạn khác	V.18	1.101.658.636	3.604.581.545
320	6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	5.101.768.719	3.201.768.719
322	7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	17.062.919	(77.160.019)
330	II. Nợ dài hạn		750.000.000	-
337	1 Phải trả dài hạn khác	V.21	750.000.000	-
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.347.581.898	15.785.383.215
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	17.347.581.898	15.785.383.215
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu	V.22.1	15.000.000.000	15.000.000.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần	V.22.2	1.390.000	-
415	3 Cổ phiếu quỹ	V.22.3	-	(29.290.000)
418	4 Quỹ đầu tư phát triển	V.23.4	205.129.896	11.300.000
421	5 Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.22.5	2.141.062.002	803.373.215
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		30.694.381	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.110.367.621	803.373.215
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		39.566.566.433	29.590.367.380

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.23	43.270.185.599	28.428.886.587
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.270.185.599	28.428.886.587
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.24	36.532.602.200	25.513.264.072
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.737.583.399	2.915.622.515
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.25	7.880.791	118.100.245
22	7 Chi phí tài chính	VI.26	255.619.677	19.735.599
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>255.619.677</i>	<i>19.735.599</i>
25	8 Chi phí bán hàng		-	-
26	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.27	4.248.786.174	1.978.685.011
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.241.058.339	1.035.302.150
31	11 Thu nhập khác	VI.28	693.207.272	87.530.280
32	12 Chi phí khác	VI.29	178.133.524	73.867.620
40	13 Lợi nhuận khác		515.073.748	13.662.660
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.756.132.087	1.048.964.810
51	15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.30	585.764.466	245.591.595
52	16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		2.170.367.621	803.373.215
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.31	1.453	536
71	19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.31	1.453	536

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Thanh



Nguyễn Thị Mỹ Lan



Vũ Trung Tá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		2.756.132.087	1.048.964.810
	2 Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.599.953.788	1.210.747.380
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(45.164.781)	(132.214.787)
06	- Chi phí lãi vay	VI.27	255.619.677	19.735.599
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.566.540.771	2.147.233.002
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.866.140.262)	(24.715.148.001)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.533.795.014	(1.893.110.235)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		6.210.645.914	13.917.155.032
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		57.323.308	(302.171.306)
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.27	(255.619.677)	(19.735.599)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(373.992.195)	(27.249.388)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	26.300.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(82.075.000)	(128.353.055)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.790.477.873	(10.995.079.550)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.338.584.995)	(823.556.794)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	VI.29	42.727.272	473.205.455
27	3 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.26	7.880.791	100.062.548
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.287.976.932)	(250.288.791)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		30.680.000	15.000.000.000
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(29.290.000)
33	3 Tiền thu từ đi vay		2.800.000.000	1.600.000.000
34	4 Tiền trả nợ gốc vay		(900.000.000)	(1.740.000.000)
36	5 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(465.191.753)	-

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.465.488.247	14.830.710.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(32.010.812)	3.585.341.659
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	3.585.341.659	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	3.553.330.847	3.585.341.659

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2016 của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần (Nhà nước nắm giữ 51% Vốn điều lệ)

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa;
- Sản xuất lắp đặt báo hiệu đường thủy;
- Nạo vét sông, kênh, san lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng;
- Dịch vụ cơ khí, đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng phương tiện thủy.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).



III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán : Nhật ký – Sổ cái

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, gồm có:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp công trình hoặc giá thành xây lắp theo giá khoán nội bộ.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp Kê khai thường xuyên

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 11 năm 2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 35
- Máy móc và thiết bị	8 – 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 16

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm :

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định là gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).

Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao trong 39 năm (từ ngày 13 tháng 3 năm 2015 đến ngày 25 tháng 9 năm 2053).

7. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.



Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.





❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016



13. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này phản ánh lãi cơ bản trên cổ phiếu, chưa tính đến các công cụ được phát hành trong tương lai có khả năng pha loãng giá trị cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	53.178.909	10.800.029
- Tiền gửi ngân hàng	3.500.151.938	3.574.541.630
Cộng	3.553.330.847	3.585.341.659

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV 508 (*)	829.090.000	829.090.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 2	5.250.162.359	2.858.621.983
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	2.221.483.000	140.650.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư cầu Mỹ Lợi	1.600.002.600	1.600.000.600
- Công ty Cổ phần Tư Vấn và XD Phú Xuân	742.166.000	1.334.461.000
- Công ty TNHH MTV 319.2	1.280.369.000	323.049.000
- Ban Quản lý Dự án Đường Thủy Nội Địa	5.071.498.017	-
- Tổng Công ty Xây dựng Số 1 TNHH MTV	1.725.638.500	-
- Các đối tượng khác (*)	2.721.875.133	6.193.949.288
Cộng	21.442.284.609	13.279.821.871

(*) Trong đó, khoản nợ phải thu khó thu hồi từ trước khi cổ phần hoá chưa trích lập dự phòng là **1.489.749.401 Đồng**, chi tiết đối tượng nợ như sau:

- Công ty CP XD CT Đường Sắt 796	108.747.000	108.747.000
- Công ty TNHH MTV 508	829.090.000	829.090.000
- Khu Quản lý giao thông Đô thị 3	359.274.000	359.274.000
- CN Công ty TNHH MTV VT và Xếp dỡ Đường thủy nội địa	180.871.401	180.871.401
- Công ty TNHH KT Công nghệ Thiên Ân	11.767.000	11.767.000
Cộng	1.489.749.401	1.489.749.401

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

1.000.000.000

200.000.000

Khoản ứng trước cho Công ty TNHH Thương Mại Triệu Tấn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

4. Phải thu ngắn hạn khác

- Tạm ứng	949.766.899	754.479.655
- Phải thu thuế TNCN của người lao động	152.057.569	157.406.874
- Phan Huỳnh Tùng	255.000.000	-
- Phải thu khác	12.924.450	-
Cộng	1.369.748.918	911.886.529

5. Hàng tồn kho**145.459.703****136.116.735**

Giá gốc của Nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối năm.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Công cụ, Dụng cụ	69.050.306	65.383.534
- Chi phí nhiên liệu, vật tư tại các Trạm	356.155.967	236.787.772
Cộng	425.206.273	302.171.306

7. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước

-

10.048.798

Số đầu năm là khoản thuế Thu nhập các nhân nộp thừa.

8. Các khoản phải thu dài hạn khác**299.512.258****109.368.325**

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số đầu năm	4.262.794.112	577.534.154	19.161.263.127	24.001.591.393
- Mua trong năm	-	-	2.351.857.147	2.351.857.147
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	132.860.000	132.860.000
- Số cuối năm	4.262.794.112	577.534.154	21.380.260.274	26.220.588.540
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm	1.641.140.970	393.398.205	14.938.231.492	16.972.770.667
- Khấu hao trong năm	47.460.976	171.437.064	1.350.504.007	1.569.402.047
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	127.416.718	127.416.718
- Số cuối năm	1.688.601.946	564.835.269	16.161.318.781	18.414.755.996
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	2.621.653.142	184.135.949	4.223.031.635	7.028.820.726
- Tại ngày cuối năm	2.574.192.166	12.698.885	5.218.941.493	7.805.832.544

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16, ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đến ngày 25 tháng 9 năm 2053. Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi quyền sở hữu tài sản.

Tình hình tài sản cố định vô hình như sau:

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
- Nguyên giá	1.177.600.000	-	1.177.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	22.913.808	30.551.741	53.465.549
- Giá trị còn lại	1.154.686.192		1.124.134.451

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Khoản chi phí dở dang của các hạng mục, dự án, công trình chưa được quyết toán:

- Thi công xây dựng kè chống sạt lở sông Đổng Nai từ cầu Rạch Tre đến Thị xã Tân Uyên	-	117.209.275
- Sản xuất lắp đặt báo hiệu hàng hải,... hướng dẫn giao thông thủy Kè bảo vệ bờ sông khu công viên Múi Đền Đỏ Quận 7	-	639.457.585
- Sản xuất lắp đặt báo hiệu cầu Chợ Đệm	-	710.044.659
- Đảm bảo giao thông thủy trong quá trình thi công cầu La Ngà	185.503.197	185.503.197
- Các công trình khác	48.604.518	104.778.784
Cộng		1.756.993.500

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.977.442.371	724.994.523
--	----------------------	--------------------

Chi phí mua sắm mới tài sản cố định.

13. Chi phí trả trước dài hạn	205.649.760	386.008.035
--------------------------------------	--------------------	--------------------

Giá trị còn lại của các Công cụ, Dụng cụ xuất dùng có thời gian phân bổ 24 tháng đến 36 tháng.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

- DNTN Vận tải Sông Quang Trung	372.049.110	137.646.410
- Công ty TNHH SX Thương Mại Cơ Khí Trí Trung	585.747.023	219.662.000
- Công ty TNHH vận tải Cửu Long	4.616.776.959	787.934.050
- Công ty TNHH TMDV Phương Phương Anh	573.500.000	108.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Thái Anh	1.670.191.500	-
- Khu quản lý Đường thủy nội địa	253.272.000	182.355.200
- DNTN Thương Mại Dịch vụ Tân Vạn	145.197.500	117.506.000
- Công ty TNHH Ngân Thọ	131.500.000	45.000.000
- Công ty TNHH TM - SX S.T.T	136.344.075	102.944.108
- DNTN Xăng Dầu Phát Huệ	246.113.950	-
- Các đối tượng khác	438.305.300	354.923.670
Cộng	9.168.997.417	2.055.971.438



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thái Sơn - CN Công ty Xây Lắp 394	-	500.000.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Xây Lắp Điện 2	-	200.000.000
- Các đối tượng khác (*)	638.684.013	694.778.513
Cộng	638.684.013	1.394.778.513

(*) Trong đó: Khoản nợ không rõ đối tượng tồn đọng từ nhiều năm là 585.251.013 Đồng.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	921.225.608	2.480.340.651	1.485.303.302	1.916.262.957
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	188.311.657	585.764.466	373.992.195	400.083.928
- Thuế Thu nhập cá nhân	(10.048.798)	56.359.607	45.606.566	704.243
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	1.099.488.467	3.131.464.724	1.913.902.063	2.317.051.128

Trong đó

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.109.537.265			2.317.051.128
- Thuế nộp thừa (*)	10.048.798			-

(*) Khoản Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh số V.8)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

17.	Phải trả người lao động	3.123.761.703	2.515.506.704
------------	--------------------------------	----------------------	----------------------

Tiền lương và các khoản thu nhập thuộc quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

Quỹ lương trong năm được trích theo định mức tiền lương (nhân công) của các hạng mục, dự án, công trình hoàn thành trong năm.

18.	Phải trả ngắn hạn khác		
------------	-------------------------------	--	--

	- Kinh phí công đoàn	14.795.900	27.732.940
	- Bảo hiểm xã hội	168.324.810	184.804.280
	- Bảo hiểm y tế	33.290.775	36.236.444
	- Bảo hiểm thất nghiệp	14.795.900	16.105.060
	- Phải trả về cổ phần hoá	-	2.227.607.615
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	870.451.251	1.112.095.206
	Cộng	1.101.658.636	3.604.581.545

(*) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác:

	- Đội Thanh tra an toàn Số 5	-	35.170.332
	- Phải nộp theo công văn số 3756/CV-PC46(Đ8)	-	453.346.827
	- Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Long An(**)	250.000.000	-
	- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	80.550.000	83.676.796
	- Khoản nợ không rõ đối tượng	539.901.251	539.901.251
	Cộng	870.451.251	1.112.095.206



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- (**) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh bến thủy nội địa số 0905/HĐHTKD ngày 19 tháng 9 năm 2016. Các bên Hợp tác đầu tư bến kinh doanh khai thác vật liệu xây dựng tại Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Bình Đức (Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An). Thời hạn hợp tác bắt đầu từ ngày ký hợp đồng đến ngày 15 tháng 8 năm 2017 (theo thời hạn Giấy phép hoạt động của Bến thủy nội địa số 300/2016/GPBTND của Sở GTVT Long An cấp ngày 15/8/2016).

Một số thông tin của Hợp đồng số 0905/HĐHTKD

❖ Về góp vốn

- Góp vốn bằng Tài sản cố định : Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Long An góp bằng phương tiện thiết bị (cần cẩu, máy xúc...); Công ty CP Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 10 góp bằng: Mặt bằng bến bãi và các cơ sở hạ tầng (nhà điều hành, kè bờ, đường xe ra vào bãi cát...)
- Góp bằng tiền : Mỗi Bên góp **250.000.000 Đồng**.

❖ Phân chia lợi nhuận

- Lợi nhuận ròng được trích chia thưởng cho bộ phận trực tiếp quản lý điều hành là 10 - 15% (tỷ lệ cụ thể căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế và sự đồng thuận của hai bên).
- Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các chi phí theo quy định được chia theo tỷ lệ 50% cho mỗi Bên (hoặc tỷ lệ thỏa thuận khác nếu có).

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
20.1 Ông Đặng Thanh Phong	600.000.000	2.800.000.000	900.000.000	2.500.000.000
20.2 Công đoàn Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường Thủy Nội Địa Số 10	2.601.768.719	-	-	2.601.768.719
Cộng	3.201.768.719	2.800.000.000	900.000.000	5.101.768.719

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- 20.1** Khoản vay Ông Đặng Thanh Phong theo hợp đồng số 1216 ngày 04/01/2016 và hợp đồng số 0201 ngày 01/02/2016. Chi tiết các điều khoản cơ bản:

	Hợp đồng số 1216	Hợp đồng số 0201
- Hạn mức vay :	1.500.000.000 đồng	1.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay :	06 tháng	06 tháng
- Lãi suất :	10,2%/năm	10,2%/năm
- Mục đích vay :	Thanh toán các chi phí cho hoạt động sản xuất của Công ty	Thanh toán các chi phí cho hoạt động sản xuất của Công ty
- Tài sản đảm bảo :	Không có	Không có

- 20.2** Khoản vay Công đoàn Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường Thủy Nội Địa Số 10 theo Thỏa thuận vay vốn ngày 12 tháng 3 năm 2015; lãi suất cho vay bằng 0%/năm; Công ty sẽ thanh toán số tiền trên thành nhiều đợt tùy thuộc vào tình hình tài chính .

20. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	(4.735.564)	68.765.980	53.175.000	10.855.416
- Quỹ Phúc lợi	(72.424.455)	107.531.958	28.900.000	6.207.503
Cộng	(77.160.019)	176.297.938	82.075.000	17.062.919

21. Phải trả dài hạn khác**750.000.000**

Khoản phải trả Ông Đặng Văn Dũng theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 1114/HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2015. Các bên sẽ hợp tác hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10 từ tàu sông (SI) nâng cấp lên tàu kéo sông pha biển (SB); sau hoàn thành sẽ giao cho ông Dũng quyền quản lý, sử dụng khai thác. Thời hạn hợp tác là 03 năm bắt đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

- Tổng chi phí đầu tư (ước tính): 3.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty góp 70% (bao gồm giá trị còn lại của vỏ tàu tương đương 1.300.000.000 đồng và 800.000.000 đồng tiền đầu tư hoán cải); Ông Đặng Văn Dũng góp 30% tương đương 900.000.000 đồng.
- Sau khi hoàn tất công tác hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10 từ tàu sông (SI) nâng cấp lên tàu kéo sông pha biển (SB), Công ty đồng ý giao cho ông Dũng quyền quản lý, sử dụng khai thác. Hàng tháng ông Dũng có trách nhiệm thanh toán cho Công ty một khoản chi phí thuê tàu không thấp hơn 1,5%/tháng trên tổng số tiền góp của Công ty (tương đương 18%/năm) mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh khai thác của ông Dũng.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

22. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
22.1	Vốn đầu tư của CSH	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
22.2	Thặng dư vốn cổ phần	-	1.390.000	-	1.390.000
22.3	Cổ phiếu quỹ	(29.290.000)	(80.500.000)	(109.790.000)	-
22.4	Quỹ đầu tư phát triển	11.300.000	193.829.896	-	205.129.896
22.5	LNST chưa phân phối	803.373.215	2.948.327.961	1.610.639.174	2.141.062.002
	TỔNG CỘNG	15.785.383.215	3.063.047.857	1.500.849.174	17.347.581.898

22.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) góp vốn	Số tiền
- Bộ Giao thông vận tải	765.000	51,00%	7.650.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	150.000	10,00%	1.500.000.000
- Vũ Trung Tá	121.600	8,11%	1.216.000.000
- Đào Việt Hà	75.000	5,00%	750.000.000
- Tống Văn Thanh	50.000	3,33%	500.000.000
- Hồ Ngọc Nghĩa	24.700	1,65%	247.000.000
- Cao Văn Phúc	22.900	1,53%	229.000.000
- Ngô Thanh Liêm	16.300	1,09%	163.000.000
- Nguyễn Trường Sơn	12.500	0,83%	125.000.000
- 83 cổ đông khác	262.000	17,46%	2.620.000.000
Cộng	1.500.000	100,00%	15.000.000.000

82-003
 TY TNHH
 KI TOÁN
 TÂM VIỆT
 NHÁNH
 LÃNH PHỐ
 CHÍ MINH
 SỐ CHỨ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 Đồng/CP.

- Số lượng cổ phiếu đầu năm	1.497.100
- Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua lại trong năm	8.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ đã bán ra trong năm	10.900
- Số lượng cổ phiếu lưu hành cuối năm	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	1.493.687

22.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khoản thặng dư vốn cổ phần phát sinh từ khoản tái phát hành cổ phiếu quỹ trong năm 2016.

22.3 Cổ phiếu Quỹ

Tình hình tăng giảm cổ phiếu Quỹ trong năm như sau:

	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>Số tiền</u>
- Số đầu năm	2.900	29.290.000
- Số mua lại trong năm	8.000	80.500.000
- Số đã bán ra trong năm	10.900	109.790.000
- Số cuối năm	-	-

22.4 Quỹ Đầu tư phát triển

- Số đầu năm	11.300.000
- Bổ sung từ lợi nhuận năm trước	193.829.896
- Số cuối năm	<u><u>205.129.896</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

22.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	803.373.215	-
- Phân phối lợi nhuận của năm trước (*)	(772.678.834)	-
+ Quỹ Khen thưởng	(38.765.980)	-
+ Quỹ Phúc lợi	(77.531.958)	-
+ Quỹ Đầu tư phát triển	(193.829.896)	-
+ Chia cổ tức	(462.551.000)	-
- Lợi nhuận chưa PP năm trước chuyển năm nay	30.694.381	-
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	2.170.367.621	803.373.215
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	(60.000.000)	-
+ Quỹ Khen thưởng	(30.000.000)	-
+ Quỹ Phúc lợi	(30.000.000)	-
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	2.110.367.621	803.373.215
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	2.141.062.002	803.373.215

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08 tháng 5 năm 2016.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	ĐVT: VND	
	Năm nay	Năm trước
23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.270.185.599	28.428.886.587

Doanh thu duy trì luồng tuyến, lắp đặt bảng báo giao thông và các dịch vụ khác trong năm.

24. Giá vốn hàng bán	36.532.602.200	25.513.264.072
-----------------------------	-----------------------	-----------------------

Giá vốn nạo vét luồng tuyến; sản xuất, lắp đặt bảng báo giao thông và các dịch vụ khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUYỀN NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

25. Doanh thu hoạt động tài chính	7.880.791	118.100.245
Khoản lãi tiền gửi, tiền cho vay		
26. Chi phí tài chính	255.619.677	19.735.599
Khoản chi phí lãi tiền vay.		
27. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	1.344.884.221	247.022.737
- Chi phí đồ dùng văn phòng	177.275.629	161.086.942
- Chi phí khấu hao TSCĐ	323.466.790	269.725.659
- Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	7.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	878.177.506	513.986.398
- Chi phí bằng tiền khác	1.515.982.028	779.863.275
Cộng	4.248.786.174	1.978.685.011
28. Thu nhập khác		
- Thu từ hoạt động nhượng bán, thanh lý tài sản	42.727.272	32.152.239
- Tiền phạt thu được	-	51.287.132
- Thu nhập khác	650.480.000	4.090.909
Cộng	693.207.272	87.530.280
29. Chi phí khác		
- Chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ	5.443.282	-
- Các khoản bị phạt	36.036.742	-
- Các khoản chi phí khác	136.653.500	73.867.620
Cộng	178.133.524	73.867.620



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

30. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Năm nay	Năm trước
-		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.756.132.087	1.012.998.620
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	172.690.242	67.360.621
- Tổng thu nhập chịu thuế	2.928.822.329	1.080.359.241
- Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	585.764.466	237.679.033

31. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.170.367.621	803.373.215
- Số cổ phiếu bình quân lưu hành	1.493.687	1.498.683
- Số cổ phiếu dự kiến phát hành	-	-
- Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.453	536

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Vũ Trung Tá	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Ngô Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Đồng / năm
- Ông Vũ Trung Tá	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	213.981.392
- Ông Ngô Thanh Liêm	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	189.750.332
- Ông Nguyễn Trường Sơn	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	169.927.546
Cộng		573.659.270

2. Thông tin so sánh

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUYỀN NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016



kế toán trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính của kỳ kế toán này.

Trong năm 2015 Công ty đã thực hiện trích khấu hao 15 năm đối với Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn 39 năm (từ ngày 13/3/2015 đến ngày 25/9/2053), Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu năm trước trên Báo cáo tài chính năm 2016.

Các chỉ tiêu đã điều lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Tăng (giảm) sau điều chỉnh
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	20.163.649.598	18.429.496.079	(1.734.153.519)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	14.368.868.419	14.391.708.400	22.839.981
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	889.046.548	911.886.529	22.839.981
IV. Hàng tồn kho	140	1.893.110.235	136.116.735	(1.756.993.500)
Hàng tồn kho	141	1.893.110.235	136.116.735	(1.756.993.500)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	9.467.911.611	11.160.871.301	1.692.959.690
II. Tài sản cố định	220	8.147.540.728	8.183.506.918	35.966.190
2. Tài sản cố định vô hình	227	1.118.720.002	1.154.686.192	35.966.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(58.879.998)	(22.913.808)	35.966.190
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	724.994.523	2.481.988.023	1.756.993.500
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	1.756.993.500	1.756.993.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	29.631.561.209	29.590.367.380	(41.193.829)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	13.874.231.622	13.804.984.165	(69.247.457)
I. Nợ ngắn hạn	310	13.874.231.622	13.804.984.165	(69.247.457)
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.101.624.703	1.109.537.265	7.912.562
4 Phải trả ngắn hạn khác	319	6.206.350.264	3.604.581.545	(2.601.768.719)
5 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	600.000.000	3.201.768.719	2.601.768.719
6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-	(77.160.019)	(77.160.019)
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	15.757.329.587	15.785.383.215	28.053.628
I. Vốn chủ sở hữu	410	15.757.329.587	15.785.383.215	28.053.628
11 LNST chưa phân phối	421	775.319.587	803.373.215	28.053.628
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	29.631.561.209	29.590.367.380	(41.193.829)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016



Chi tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Tăng (giảm) sau điều chỉnh
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.014.651.201	1.978.685.011	(35.966.190)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	999.335.960	1.035.302.150	35.966.190
14 Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.012.998.620	1.048.964.810	35.966.190
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	237.679.033	245.591.595	7.912.562
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	775.319.587	803.373.215	28.053.628
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	517	536	19

3. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2016

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2016 sau đây:

- Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế
- Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.
- Thông tư số 05/VBHN-BTC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.
- Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 11 năm 2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



ĐÀO THỊ THANH

NGUYỄN THỊ MỸ LAN

VŨ TRUNG TÁ